

Bản án số 59/2022/HS-ST
Ngày 26/7/2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Giáp Quang Huy.

Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Sửu, ông Nguyễn Văn Kiềm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện VKSND huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên sơ cấp.

Trong ngày 26/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh B, xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 50/2022/TLST-HS ngày 23/6 /2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 131/2022/QĐXXST-HS ngày 12/7/2022, đối với bị cáo:

- Họ và tên: Lã Văn T, sinh năm 1990 (tên gọi khác: Không); nơi đăng ký HKTT: Thôn A, xã N, huyện T, tỉnh B; nơi cư trú: Thôn T, xã M, huyện V, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: không xác định được; mẹ đẻ: Lã Thị T; vợ: Vũ Thị T; có 02 con: Con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2021; tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm số 82 ngày 30/9/2009 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh B xử phạt Lã Văn T 08 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/3/2010, chấp hành xong án phí ngày 24/11/2009. Bản án hình sự sơ thẩm số 262 ngày 26/9/2012 của Tòa án nhân dân thành phố B xử phạt Lã Văn T 03 năm 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/11/2014, các khoản án phí, bồi thường dân sự, tiền thu lời bất chính chưa chấp hành; tiền sự: không có; nhân thân: Ngày 16/01/2018, Công an thành phố Bắc Ninh xử phạt hành chính đối với Lã Văn T về hành vi “Gây rối trật tự công cộng” mức phạt 200.000 đồng; bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam; hiện đang áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú (có mặt).

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1975; nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

- Người làm chứng: Nguyễn Hồng N, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn C, xã N, huyện T, tỉnh B (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 14/3/2022, Nguyễn Văn K, sinh năm 1975; trú tại

thôn C, xã N, huyện T, tỉnh B điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 98C-119.35 chở Nguyễn Hồng Ninh đi từ thành phố B về xã N, huyện T. Khi đi qua nhà Lã Văn T, ở thôn T, xã M, huyện V, tỉnh B, K thấy T có nhà nên đỗ xe vào lề đường bên phải hạ cửa kính xe ô tô xuống gọi T ra để đòi tiền T còn nợ K chưa trả. Thấy K gọi, T từ nhà đi ra đứng cạnh cửa lái xe ô tô, K bảo T trả tiền, T nói chưa có tiền trả nên hai bên cãi cọ với nhau. Sau đó, T dùng tay phải đấm liên tiếp 02 phát theo chiều ngang từ sau ra trước vào phần má bên trái K. Thấy K bị T đấm, Ninh ngồi ở ghế phụ phía trước đã dùng tay của mình giữ tay T để can ngăn, T giật tay ra chạy sang bên kia đường, tay phải nhặt viên đá hình trụ tròn, màu nâu có kích thước cao 11cm, đường kính rộng nhất 2,5 cm; tay trái nhặt viên gạch vỡ màu nâu, hình khối hộp vỡ có kích thước dài 2 cm, rộng 2 cm, cao 3 cm tiến đến chỗ K, T đứng ngoài cửa lái xe ô tô, tay phải T cầm viên đá đập 01 phát theo chiều ngang từ sau ra trước trúng vào phần lông mày trái của K. Sau đó, T cầm viên đá, viên gạch đi về nhà và vứt tại bãi đất trống khu vực cạnh nhà T. Lúc này, K và Ninh xuống xe đi theo T nhưng do máu chảy nhiều nên K và Ninh điều khiển xe ô tô đến Trung tâm y tế huyện T để cơ sơ cứu; anh K đã làm đơn gửi Công an huyện T đề nghị giải quyết. Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tiến hành khám nghiệm hiện trường và thu giữ: 01 viên đá hình trụ tròn, màu nâu có kích thước cao 11 cm, đường kính rộng nhất 2,5 cm; 01 viên gạch vỡ hình khối hộp màu nâu có kích thước 2 cm x 2cm x 3cm. Viên gạch và viên đá thu tại bãi đất trống gần nhà T, ngoài ra còn thu giữ chất màu nâu nhỏ giọt, nghi là máu tại mặt đường nhựa.

Trung tâm y tế huyện T xác định: Nguyễn Văn K có thương tích tại lông mày trái, kích thước 04 cm, sâu 0,5 cm, bờ mép nhám nhỏ.

Tại kết luận giám định số 542/22/TgT ngày 23/3/2022 của Trung tâm pháp y - Bệnh viện đa khoa tỉnh B kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên hiện tại là 3% (ba phần trăm).

Tại Cơ quan điều tra: Lã Văn T đã khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Tại bản cáo trạng số 50/CT-VKS ngày 23/6/2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, truy tố Lã Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay: Bị cáo Lã Văn T đã khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên cáo trạng truy tố đối với bị cáo và đề xuất HĐXX: Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 134, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lã Văn T 02 năm 02 tháng tù đến 02 năm 04 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian tù tính từ ngày bắt thi hành án.

- Về vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 viên đá hình trụ tròn, màu nâu có kích thước cao 11 cm, đường kính rộng nhất 2,5 cm. 01 viên gạch vỡ hình khối hộp màu nâu có

kích thước 2 cm x 2cm x 3cm. 02 mẫu chất màu nâu (nghĩ là máu) được niêm phong trong 02 phong bì thư.

- Về bồi thường dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về quan điểm của Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng tố tụng, người tiến hành tố tụng, nên xác định: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện là hợp pháp.

Đối với bị hại, người làm chứng đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa, tuy nhiên họ đã có lời khai đầy đủ và sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo quy định của Điều 292, Điều 293 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa, phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và những người tham gia tố tụng khác, phù hợp về thời gian, địa điểm, quá trình thực hiện hành vi phạm tội; do đó có đủ căn cứ để kết luận: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 14/03/2022, tại đoạn đường thuộc thôn Ba Mô, xã N, huyện T, tỉnh B, Lã Văn T đã thực hiện hành vi dùng tay phải cầm viên đá hình trụ tròn, màu nâu có kích thước cao 11cm, đường kính rộng nhất 2,5 cm đập vào cung mày trái của anh Nguyễn Văn K; hậu quả, anh K bị thương tích 3% sức khỏe.

Tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự và bị cáo đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích, nay lại tiếp tục phạm tội và lần phạm tội này thuộc trường hợp “Tái phạm nguy hiểm”, do đó Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố: Lã Văn T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm d khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự, là có căn cứ.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện là hành vi

nguy hiểm cho xã hội, do lỗi cố ý, bị cáo là người có nhân thân xấu, do đó cần áp dụng một mức hình phạt tù nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện, mới có đủ điều kiện để giáo dục bị cáo thành người biết T thủ pháp luật. Song xét thấy, bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự, quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình và bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, nên cần áp dụng cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt khi lượng hình.

[4] Về vật chứng: Vật chứng thu giữ được gồm có 01 viên đá, 01 viên gạch vỡ và 02 mẫu chất màu nâu (nghi là máu) cần tịch thu tiêu hủy.

[5] Về bồi thường dân sự: Bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 134, Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Lã Văn T 02 năm 3 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 viên đá hình trụ tròn, màu nâu có kích thước cao 11 cm, đường kính rộng nhất 2,5 cm. 01 viên gạch vỡ hình khối hộp màu nâu có kích thước 2 cm x 2cm x 3cm. 02 mẫu chất màu nâu (nghi là máu) được niêm phong trong 02 phong bì thư.

3. Án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại (vắng mặt) có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết công khai bản án.

Trường hợp hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh B;
- VKSND huyện T;
- Công an huyện T;
- THADS huyện T;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Giáp Quang Huy